

BẢNG GIÁ CHI TIẾT CÁC CĂN PHÊ DUYỆT GIÁ BÁN NHÀ Ở XÃ HỘI TẠM TÍNH (ĐỢT 2)
DỰ ÁN TUYỂN DÂN CƯ ĐƯỜNG SỐ 2

(Kèm theo Quyết định số 323/QĐ-CIC ngày 24/12/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn CIC)



Đvt: đồng, m²

STT	LÔ/CĂN	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH 1 CĂN		GIÁ BÁN TẠM TÍNH 1 M ² SÀN XD	GIÁ BÁN TT 1 CĂN (VAT)	GIÁ BÁN TT 1 CĂN (VAT, LPTB)
			ĐẤT	SÀN			
		(căn)	(m ²)	(m ²)	(đồng/m ²)	(đồng)	(đồng)
	TỔNG CỘNG	62					
	- Lô H1	30					
1	H 1 (1)	1	52,50	95,19	17.138.888	1.631.450.749	1.641.479.103
2	H1 (2, 3, 3A, 5-8)	7	50,00	86,95	17.138.888	1.490.226.312	1.499.459.444
3	H 1 (9)	1	50,00	87,02	17.138.888	1.491.426.034	1.500.665.164
4	H1 (10)	1	53,00	92,22	16.925.363	1.560.856.976	1.570.550.181
5	H1 (11-12, 12A, 12B, 15-20)	10	51,00	88,67	16.925.363	1.500.771.937	1.510.093.437
6	H1 (21)	1	53,00	92,28	16.925.363	1.561.872.498	1.571.570.780
7	H1 (22)	1	50,00	87,02	17.138.888	1.491.426.034	1.500.665.164
8	H1 (22A,24-29)	7	50,00	86,95	17.138.888	1.490.226.312	1.499.459.444
9	H1 (30)	1	52,50	95,19	17.138.888	1.631.450.749	1.641.479.103
	- Lô H2	32					
10	H2 (1)	1	52,00	94,74	17.124.592	1.622.383.846	1.632.349.045
11	H2 (2, 3, 3A, 5-9)	8	50,00	86,95	17.124.592	1.488.983.274	1.498.210.190
12	H2 (10)	1	50,00	87,02	17.124.592	1.490.181.996	1.499.414.906
13	H2 (11)	1	50,00	87,02	17.085.377	1.486.769.507	1.495.985.355
14	H2 (12, 12A, 12B, 15-21)	10	50,00	86,95	17.085.377	1.485.573.530	1.494.783.398
15	H2 (22)	1	50,00	87,02	17.085.377	1.486.769.507	1.495.985.355
16	H2 (22A)	1	50,00	87,02	17.124.592	1.490.181.996	1.499.414.906
17	H2 (24-31)	8	50,00	86,95	17.124.592	1.488.983.274	1.498.210.190
18	H2 (32)	1	52,00	94,74	17.124.592	1.622.383.846	1.632.349.045